TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/DS-ST
Ngày: 11 - 9 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua.

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2024/TLST-DS, ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2024/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2024/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1; địa chỉ trụ sở: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nhận văn bản tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phầS1 (TMCP) - Chi nhánh H; địa chỉ: Số C, đường C tháng B, Khu V, phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền:

- Ông Cao Hồng S - Giám đốc Chi nhánh H (Vắng mặt);

- Ông Dương Văn M - Phó phòng kiểm soát rủi ro (Vắng mặt);

(Theo Văn bản uỷ quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng Giám đốc; Văn bản uỷ quyền số 15/2024/UQ-CNHG, ngày 09/4/2024 của Giám đốc Chi nhánh H).

- *Bị đơn*: Ông Võ Văn N, sinh năm 1998; nơi cư trú: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/4/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh H (sau đây viết tắt là: Ngân hàng hoặc Ngân hàng TMCP, do ông Dương Văn M đại diện) trình bày: Vào ngày 04/02/2021, giữa nguyên đơn với bị đơn ông Võ Văn N có ký kết một Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (sau đây viết tắt là: Bản Điều khoản) - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Theo thoả thuận, Ngân hàng đã cấp Thẻ tín dụng cho ông Võ Văn N với hạn mức sử dụng là 20.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, trong quá trình sử dụng thẻ ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 25.764.631đ.

Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Võ Văn N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 19.405.089đ (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 và Điều 21 của Bản Điều khoản). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bị đơn không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 11/6/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản). Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 12/3/2024, tổng cộng là 34.703.858đ (trong đó dư nợ: 25.116.722đ; lãi quá hạn: 9.587.136đ); và ông Võ Văn N còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 13/3/2024 cho đến khi hoàn tất các khoản vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký.

Bị đơn ông Võ Văn N: Quá trình thu thập chứng cứ, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất và không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh H (sau đây viết tắt là: Ngân hàng) khởi kiện bị đơn là ông Võ Văn N để yêu cầu thanh toán nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; do bị đơn cư trú tại ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 16 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng, Tòa án thụ lý theo quan hệ "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (Áp dụng cho khách hàng cá nhân) số 1677839, ngày 04/02/2021; bản phô tô gồm: Sổ hộ khẩu gia đình, Thẻ bảo hiểm y tế, đều ghi nhận địa chỉ nơi cư trú của ông Võ Văn N được ghi trong các văn bản nêu trên thuộc ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; như vậy, Ngân hàng đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn được ghi trong hợp đồng; hiện nay ông Võ Văn N không có mặt ở địa chỉ cư trú tại thời điểm ký kết hợp đồng, giao dịch; coi như bên có nghĩa vụ (ông N) thay đổi địa chỉ nơi cư trú mới mà không thông báo cho bên có quyền (Ngân hàng) được biết; do đó, ông Võ Văn N bị coi là cố tình giấu địa chỉ cư trú, nhằm trốn tránh trách nhiệm với bên có quyền.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Ông Võ Văn N đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt, không lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, không có người đại diện tham gia phiên toà; vào ngày 09/9/2024 ông Dương Văn M (đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn) có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, với lý do bận công tác. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.4] Vụ án Toà án không thu thập chứng cứ; căn cứ Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2026/TTLT-VKSNDTC-TANDTC, ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Toà án nhân dân tối cao: "Quy định việc phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự", thì vụ án không thuộc trường hợp Kiểm sát viên phải tham gia phiên toà.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Giao dịch giữa các bên được ký kết, thực hiện vào năm 2021, nên áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn ông Võ Văn N trả nợ và lãi suất tạm tính đến ngày 12/3/2024, tổng cộng là 34.703.858đ; và ông Võ Văn N còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 13/3/2024

cho đến khi hoàn tất các khoản vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký.

[4] Theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng (sau đây viết tắt là: Hợp đồng) số 1677839, ngày 04/02/2021, do Ngân hàng khởi kiện; để chứng minh cho yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ và hợp pháp thì Ngân hàng cung cấp bản sao được công chứng Hợp đồng; trong đó ghi đầy đủ thông tin cá nhân của ông Võ Văn N, bên dưới chữ "Chữ ký và họ tên của Chủ thẻ chính" có chữ ký và ghi rõ họ tên ông Võ Văn N; theo thoả thuận, Ngân hàng cấp tín dụng cho ông N với hạn mức 20.000.000đ, ngày chốt thông báo giao dịch 10, lãi suất tại thời điểm làm thẻ 31,2%/năm; kèm theo bản Điều khoản (có hiệu lực từ ngày 24/8/2020). Qua đó đã có căn cứ để xác định, vào ngày 04/02/2021 ông Võ Văn N có vay 20.000.000đ của Ngân hàng TMCP S1 là có thật.

[5] Về lãi suất

[5.1] Tại đoạn hai, mục "Cam kết" của Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 04/02/2021, dẫn chiếu đến Bản điều khoản; tại mục 1.24 bản Điều khoản (có hiệu lực từ ngày 24/8/2020) thì: *"1.24) Lãi suất: là mức lãi suất mà S2 áp dụng đối với các khoản cấp tín dụng thông qua hình thức phát hành Thẻ bao gồm Lãi suất trong hạn và Lãi suất quá hạn. Lãi suất trong hạn là lãi suất được S2 công bố theo Biểu phí trong từng thời kỳ. Lãi quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn".*

[5.2] Theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 04/02/2021, phần dành riêng cho đơn vị cấp thẻ ghi: "Lãi suất tại thời điểm làm thẻ 31,2%/năm; như nhận định tại mục [4] và tiểu mục [5.1] nêu trên, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết, thoả thuận; do ông N không thực hiện đúng cam kết, thoả thuận nên ông N bị coi là bên vi phạm hợp đồng.

[5.3] Theo bản tóm tắt sao kê tài khoản của khách hàng ngày 09/9/2024, số thẻ của ông Võ Văn N là: 472074-6431, khoản vay này tính đến ngày 11/9/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) ông N còn dư nợ gốc 25.116.722đ và lãi quá hạn là 15.943.824đ. Tổng cộng vốn lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/9/2024): 41.060.546đ; do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ; buộc ông Võ Văn N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền vốn lãi tính đến ngày 11/9/2024 tổng cộng là 41.060.546đ.

[6] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 12/9/2024) bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nêu trên; do đó, phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nên bị đơn ông Võ Văn N phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền tổng cộng vốn lãi là 41.060.546đ x 5% = 2.053.000đ (làm tròn).

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 93, Điều 94, các khoản 1, 10 Điều 95, Điều 96, khoản 2 Điều 97, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng: các Điều 40, 85, 116, 117, 118, 119, 134, 135, 136, 138, 274, 275, 280, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Các khoản 14, 16, 22 Điều 4, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh H về việc yêu cầu bị đơn ông Võ Văn N trả nợ vay theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 1677839, ngày 04/02/2021.

2. Buộc ông Võ Văn N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh H số tiền vốn lãi theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 1677839, ngày 04/02/2021 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/9/2024) tổng cộng là: 41.060.546đ (Bốn mươi mốt triệu không trăm sáu mươi ngàn năm trăm bốn mươi sáu đồng; trong đó: nợ gốc 25.116.722đ, lãi quá hạn 15.943.824đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2024) cho đến khi thi hành án xong khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 1677839, ngày 04/02/2021.

Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 1677839, ngày 04/02/2021 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng

sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

3.1. Buộc ông Võ Văn N phải chịu án phí số tiền là: 2.053.000đ (Hai triệu không trăm năm mươi ba ngàn đồng).

3.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh H được nhận lại 868.000đ (Tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008715, ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang;

4. *Quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hùng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA DS h.Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Cổng TTĐT (để công bố);